

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư công của tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (sau đây viết tắt là Nghị định 136/2015/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm (sau đây viết tắt là Nghị định 77/2015/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định 59/2015/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (sau đây viết tắt là Nghị định 63/2014/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư (sau đây viết tắt là Nghị định 84/2015/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định 32/2015/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định 37/2015/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định 46/2015/NĐ-CP);

Thông tư số 10/2016/TT-BKHĐT ngày 22/7/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc giám sát, theo dõi và kiểm tra hoạt động đấu thầu (sau đây viết tắt là Thông tư 10/2016/TT-BKHĐT);

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc Ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư công của tỉnh Gia Lai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý dự án đầu tư công của tỉnh Gia Lai”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2016.

Quyết định này thay thế Quyết định số 12/2010/QĐ-UBND ngày 01/7/2010 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách Nhà nước của tỉnh Gia Lai; Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 10/4/2014 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách Nhà nước của tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Quyết định số 12/2010/QĐ-UBND ngày 01/7/2010 của UBND tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố; các chủ đầu tư, các BQL dự án và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC, XD, GTVT, CT, NN&PTNT, TN&MT, Tư pháp;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: VT, NL, KGVX, KT, TH, CNXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Võ Ngọc Thành

QUY ĐỊNH

Quản lý dự án đầu tư công của tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 38 /2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2016 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp theo Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng trên địa bàn tỉnh Gia Lai gồm:

1. Dự án do cấp tỉnh quản lý: Dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp quyết định đầu tư.

2. Dự án do cấp huyện, cấp xã quản lý: Dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ tổ chức, thực hiện và tham gia quản lý dự án đầu tư công thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 Quy định này trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 3. Lập dự án đầu tư công

1. Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp thẩm quyền quyết định, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đối với dự án không có cấu phần xây dựng; Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án có cấu phần xây dựng (sau đây gọi là dự án) theo quy định Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các quy định khác có liên quan.

2. Nội dung dự án:

a) Đối với dự án không có cấu phần xây dựng: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 47 của Luật Đầu tư công;

b) Đối với dự án có cấu phần xây dựng: Theo quy định tại Điều 54, Điều 55 của Luật Xây dựng;

Điều 4. Điều kiện dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm

1. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 56 của Luật Đầu tư công, Điều 27 Nghị định 77/2015/NĐ-CP.

2. Đối với các dự án có liên quan đến giải phóng mặt bằng, tái định cư, ngoài các quy định tại Khoản 1 Điều này, phải có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trước ngày 31 tháng 10 năm trước năm kế hoạch.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định đầu tư

1. Thẩm quyền quyết định đầu tư thực hiện theo Điều 39 Luật Đầu tư công.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án nhóm C do cấp tỉnh quản lý, như sau:

a) Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư đối với dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng, trừ các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định tại Điểm b, Điểm c khoản này.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku quyết định đầu tư đối với dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã quyết định đầu tư đối với dự án có tổng mức đầu tư dưới 10 tỷ đồng.

Điều 6. Thẩm quyền thẩm định dự án không có cấu phần xây dựng

1. Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A do cấp tỉnh quản lý.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định dự án nhóm B, nhóm C do cấp tỉnh quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư cấp huyện tổ chức thẩm định dự án do cấp huyện, cấp xã quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền thẩm định dự án, thiết kế cơ sở, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án có cấu phần xây dựng

1. Sở Xây dựng, sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định toàn bộ nội dung quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng đối với dự án nhóm B, nhóm C và dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, trừ các dự án quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều này, cụ thể:

a) Sở Xây dựng đối với công trình dân dụng, công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông trong đô thị (trừ công trình đường sắt đô thị, cầu vượt sông, đường quốc lộ qua đô thị);

b) Sở Giao thông vận tải đối với công trình giao thông (trừ công trình do Sở Xây dựng thẩm định quy định tại Điểm a Khoản này);

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;

d) Sở Công Thương đối với công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp chuyên ngành;

e) Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình có loại và cấp khác nhau: Cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện thẩm định là cơ quan thực hiện thẩm định đối với công trình, hạng mục công trình chính của dự án đầu tư.

2. Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách do cấp tỉnh quản lý:

a) Sở Xây dựng, sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 1 Điều này chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Khoản 3 Điều 58 của Luật Xây dựng; thẩm định toàn bộ dự án sửa chữa, cải tạo, bảo trì và nâng cấp có tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng.

3. Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách do cấp huyện, cấp xã quản lý:

a) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thẩm định thiết kế cơ sở với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng;

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Khoản 3 Điều 58 của Luật Xây dựng; thẩm định toàn bộ dự án sửa chữa, cải tạo, bảo trì và nâng cấp có tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng.

4. Phân cấp cho phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 8. Trình tự thẩm định, quyết định đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng

1. Đối với dự án do cấp tỉnh quản lý:

a) Chủ đầu tư gửi hồ sơ dự án tới cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 6 Quy định này để tổ chức thẩm định dự án. Nội dung thẩm định theo quy định tại Khoản 2 Điều 40 Nghị định 136/2015/NĐ-CP;

b) Chủ đầu tư căn cứ ý kiến thẩm định tại Điểm a Khoản này hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án gửi cơ quan chủ trì thẩm định tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, hoặc gửi người được phân cấp theo quy định tại Điều 5 Quy định này quyết định đầu tư dự án.

2. Đối với dự án do cấp huyện, cấp xã quản lý:

a) Chủ đầu tư gửi hồ sơ dự án đến Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều 6 Quy định này để tổ chức thẩm định. Nội dung thẩm định theo quy định tại Khoản 2 Điều 40 Nghị định 136/2015/NĐ-CP;

b) Chủ đầu tư căn cứ ý kiến thẩm định tại Điểm a Khoản này hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, hoặc gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định đầu tư dự án.

3. Thời gian thẩm định dự án đầu tư: Không quá 30 ngày đối với dự án nhóm A, 25 ngày đối với dự án nhóm B và 15 ngày đối với dự án nhóm C.

4. Thời gian quyết định đầu tư dự án: Không quá 15 ngày đối với dự án nhóm A, 10 ngày đối với dự án nhóm B và nhóm C.

5. Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm gửi văn bản, hồ sơ đến các cơ quan có chức năng, nhiệm vụ liên quan để lấy ý kiến thẩm định về nội dung dự án. Thời gian trả lời không quá 15 ngày đối với dự án nhóm A, 10 ngày đối với dự án nhóm B và 07 ngày đối với dự án nhóm C. Nếu quá thời gian quy định các cơ quan không có ý kiến, xem như đã thống nhất và chịu trách nhiệm theo lĩnh vực quản lý của mình.

Điều 9. Trình tự thẩm định, quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng

1. Chủ đầu tư gửi hồ sơ dự án, thiết kế cơ sở đến người quyết định đầu tư và cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định tại Điều 7 Quy định này để tổ chức thẩm định dự án.

Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Chủ đầu tư gửi hồ sơ dự án, thiết kế cơ sở đến cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định tại Điều 7 Quy định này và Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thẩm định, đồng thời gửi Tờ trình đề nghị phê duyệt dự án đến Ủy ban nhân dân tỉnh (không gửi hồ sơ dự án khi chưa hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định của các sở, ngành).

2. Đối với dự án do cấp tỉnh quản lý:

a) Cơ quan chủ trì thẩm định gửi chủ đầu tư, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo thẩm định theo quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát sự phù hợp với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối các nguồn vốn; tổ chức thẩm định dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Quy định này; tổng hợp kết quả gửi chủ đầu tư dự án;

c) Chủ đầu tư căn cứ ý kiến thẩm định tại Điểm a và Điểm b Khoản này hoàn chỉnh dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, hoặc gửi người được phân cấp theo quy định tại Điều 5 Quy định này quyết định đầu tư.

3. Đối với dự án do cấp huyện, cấp xã quản lý:

a) Cơ quan chủ trì thẩm định gửi chủ đầu tư, đồng thời gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo thẩm định theo quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch tổ chức thẩm định đối với dự án quy định tại Khoản 3 Điều 7 Quy định này; tổng hợp kết quả gửi chủ đầu tư;

c) Chủ đầu tư căn cứ ý kiến thẩm định tại Điểm a và Điểm b Khoản này hoàn chỉnh dự án gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, hoặc gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư dự án.

4. Thời gian thẩm định dự án: Không quá 25 ngày đối với dự án nhóm B và 15 ngày đối với dự án nhóm C; thời gian thẩm định thiết kế cơ sở không quá 20 ngày đối với dự án nhóm B và 10 ngày đối với dự án nhóm C.

5. Thời gian quyết định đầu tư dự án: Không quá 15 ngày đối với dự án nhóm A, 10 ngày đối với dự án nhóm B và nhóm C.

6. Cơ quan chủ trì thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở có trách nhiệm lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan có chức năng, nhiệm vụ liên quan về nội dung thiết kế cơ sở; phòng chống cháy, nổ; bảo vệ môi trường; sử dụng đất đai, tài nguyên; kết nối hạ tầng kỹ thuật và các nội dung cần thiết khác (nếu có). Thời gian trả lời không quá 10 ngày đối với dự án nhóm B và 07 ngày đối với dự án nhóm C. Nếu quá thời gian quy định các cơ quan không có ý kiến, xem như đã thống nhất và chịu trách nhiệm theo lĩnh vực quản lý của mình.

Điều 10. Điều chỉnh dự án đầu tư công:

1. Việc điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 46 của Luật Đầu tư công; Điều 61 của Luật Xây dựng; Điều 41 Nghị định 136/2015/NĐ-CP; Điều 14 Nghị định 59/2015/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

2. Chủ đầu tư phải có văn bản đề nghị người quyết định đầu tư xem xét, chấp thuận chủ trương trước khi lập thủ tục điều chỉnh, bổ sung dự án, trong đó xác định lý do, nội dung, phạm vi điều chỉnh và đề xuất giải pháp thực hiện. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ đầu tư gửi hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý. Thời gian không quá 07 ngày.

Điều 11. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán

1. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng:

a) Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 49 Nghị định 136/2015/NĐ-CP.

b) Ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt thiết kế, dự toán đối với dự án thuộc cấp tỉnh quản lý do Sở chủ trì tổ chức thẩm định.

c) Thời gian thẩm định thiết kế, dự toán: Không quá 30 ngày đối với dự án nhóm A, 25 ngày đối với dự án nhóm B và 15 ngày đối với dự án nhóm C. Thời gian phê duyệt thiết kế, dự toán không quá 03 ngày.

d) Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan có chức năng, nhiệm vụ liên quan về thiết kế, dự toán để làm cơ sở thẩm định. Thời gian trả lời không quá 15 ngày đối với dự án nhóm A, 10 ngày đối với dự án nhóm B và 07 ngày đối với dự án nhóm C. Nếu quá thời gian quy định các cơ quan không có ý kiến, xem như đã thống nhất và chịu trách nhiệm theo lĩnh vực quản lý của mình.

2. Đối với dự án có cấu phần xây dựng:

a) Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình thực hiện theo Điều 24, Điều 25 Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

b) Ủy quyền cho Sở Xây dựng, sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế ba bước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế hai bước (trừ các công trình thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách) đối với các công trình do sở chủ trì tổ chức thẩm định.

c) Thời gian thẩm định thiết kế, dự toán: Không quá 25 ngày đối với công trình cấp II, cấp III và 15 ngày đối với công trình cấp IV. Thời gian phê duyệt thiết kế, dự toán không quá 03 ngày.

d) Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan có chức năng, nhiệm vụ liên quan về phòng chống cháy, nổ; bảo vệ môi trường; sử dụng đất đai, tài nguyên; kết nối hạ tầng kỹ thuật và các nội dung cần thiết khác (nếu có). Thời gian trả lời không quá 10 ngày đối với công trình cấp II, cấp III và 7 ngày đối với công trình cấp IV. Nếu quá thời gian quy định các cơ quan không có ý kiến, xem như đã thống nhất và chịu trách nhiệm theo lĩnh vực quản lý của mình.

3. Đối với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán cùng với Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình.

Điều 12. Điều chỉnh thiết kế, dự toán: Việc điều chỉnh, bổ sung thiết kế, dự toán thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 18/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

Điều 13. Công tác lựa chọn nhà thầu

1. Trách nhiệm thẩm định, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định

đầu tư; phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

c) Chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong trường hợp gói thầu được thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Trách nhiệm thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu, gồm: Chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu và các nội dung khác theo Điều 74 của Luật Đấu thầu thuộc dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Thời gian thẩm định, phê duyệt không quá 10 ngày cho từng nội dung thẩm định, phê duyệt gồm: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu.

4. Đối với gói thầu xây lắp, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu công trình không triển khai thi công thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư xem xét điều chuyển vốn sang cho công trình khác. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm đền bù các thiệt hại phát sinh vì lý do chủ quan dẫn đến ngừng triển khai gói thầu.

5. Hợp đồng cần gia hạn tiến độ thực hiện, chủ đầu tư phải báo cáo, giải trình, xin ý kiến người quyết định đầu tư xem xét chấp thuận. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ đầu tư gửi hồ sơ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để kiểm tra, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý. Thời gian không quá 07 ngày.

6. Việc giám sát, theo dõi và kiểm tra hoạt động đấu thầu:

a) Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 2 Điều 35 Thông tư 10/2016/TT-BKHĐT;

b) Giám đốc các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 3 Điều 35 Thông tư 10/2016/TT-BKHĐT;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 4 Điều 35 Thông tư 10/2016/TT-BKHĐT.

Điều 14. Phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng theo Nghị định 46/2015/NĐ-CP

1. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình cấp III, cấp IV thuộc dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình cấp III, cấp IV thuộc dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư và nhà ở riêng lẻ thuộc địa bàn quản lý; chủ trì giải quyết sự cố đối với công trình được phân cấp quản lý chất lượng.

3. Giao chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình tự quyết định về kế hoạch sửa chữa với các nội dung quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 39 Nghị định 46/2015/NĐ-CP đối với trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị có chi phí dưới 500 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 15. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng

1. Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư và các cơ quan liên quan thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn quản lý. Trước khi khởi công xây dựng công trình chủ đầu tư phải đảm bảo có mặt bằng xây dựng để bàn giao toàn bộ hoặc từng phần theo tiến độ xây dựng do chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận.

Trường hợp việc chậm trễ bồi thường, giải phóng mặt bằng làm kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng của gói thầu thì Ủy ban nhân dân cấp huyện, chủ đầu tư và các bên liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng chịu hoàn toàn trách nhiệm.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các công trình trên địa bàn theo đúng quy định pháp luật.

Điều 16. Bảo hành công trình xây dựng: Thực hiện theo Điều 35, Điều 36 Nghị định 46/2015/NĐ-CP. Tùy theo quy mô, tính chất công trình, người quyết định đầu tư quy định về thời gian bảo hành công trình xây dựng theo quy định.

Điều 17. Thanh toán vốn đầu tư, quyết toán dự án hoàn thành

1. Thanh toán vốn đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Quyết toán dự án hoàn thành: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước. Các dự án có tổng mức đầu tư trên 10 tỷ đồng phải được kiểm toán trước khi trình cấp thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Đối với các dự án còn lại, tùy theo quy mô, tính chất dự án và tình hình thực tế, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán yêu cầu kiểm toán trước khi thẩm tra, phê duyệt quyết toán. Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu kiểm toán theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Thẩm quyền thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành:

a) Đối với dự án do cấp tỉnh quản lý: Sở Tài chính tổ chức thẩm tra.

b) Đối với dự án do cấp huyện, cấp xã quản lý: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm tra.

4. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

a) Người quyết định đầu tư theo quy định tại Điều 5 Quy định này phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

b) Phân cấp cho Sở Tài chính phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với dự án do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư.

5. Chủ đầu tư có trách nhiệm lập, nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành, trình người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán. Thời gian không quá 3 tháng đối với dự án nhóm C, 6 tháng đối với dự án nhóm B, 9 tháng đối với dự án nhóm A kể từ ngày công trình được bàn giao đưa vào sử dụng.

Điều 18. Giám sát, đánh giá đầu tư

1. Dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công phải thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định 84/2015/NĐ-CP.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ về công tác giám sát, đánh giá đầu tư của tỉnh; tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư các dự án do cấp tỉnh quản lý; đánh giá tổng thể việc triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc giao làm chủ đầu tư.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các dự án đã được phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực đang trong quá trình thực hiện thì không phải làm thủ tục phê duyệt lại, những nội dung chưa thực hiện thì được thực hiện theo quy định tại Quy định này.

2. Đối với dự án chưa được phê duyệt thì các công việc thực hiện theo quy định tại Quy định này.

Điều 20. Công tác báo cáo

1. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Kho bạc nhà nước tỉnh và các chủ đầu tư thực hiện nghiêm chế độ báo cáo hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm gửi Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, tổng hợp báo cáo.

2. Chủ đầu tư thực hiện báo cáo đầy đủ, kịp thời các nội dung quy định phải báo cáo về quản lý dự án đầu tư.

Điều 21. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư, các ban quản lý dự án có trách nhiệm tổ chức thực hiện. Các nội dung chưa quy định trong Quyết định này thì thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 22. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quy định này; tổng hợp các vướng mắc trong quá trình thực hiện, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo quy định. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Võ Ngọc Thành